

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU,  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HS-ST

Ngày: 10-01-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha  
Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Quách Quang Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 186/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2022 đối với:

- Bị cáo: Trần Văn T, sinh năm 1995; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị V; vợ: **Võ Anh T (đã ly hôn)**, con: 01 người; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến ngày 02/9/2022 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Kiều N, sinh năm: 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đào Hoàng Đ, sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn T và chị Nguyễn Kiều N có mối quan hệ tình cảm yêu nhau từ khoảng tháng 8/2021. Ngày 24/10/2021, T đến nhà chị N tại khóm A, phường B, thành phố C chơi và ngủ qua đêm tại đây. Đến khoảng 08 giờ ngày 25/10/2021, N đi làm còn T ở nhà. Khi đi làm thì N để chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69E1 – 560.62 ở nhà. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày N về thì không thấy T ở nhà cũng không thấy chiếc xe nên N điện thoại hỏi T thì T nói “ Cho T mượn đi làm vài ngày trả”. N không đồng ý và kêu T hẹn chiều đem về trả, N chờ hoài không thấy T mang xe về trả. Đến ngày thứ ba N điện thoại kêu T đem xe về trả thì T nói dối với N là xe bị Công an phường B bắt nên N đến Công an phường B hỏi thì được biết chiếc xe của N không bị Công an phường B giữ. Sau đó, N phát hiện T đã lấy chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69E1 – 560.62 của N đi cầm và bán luôn nên ngày 03/12/2021 N đến Công an phường B, thành phố C trình báo sự việc.

Quá trình xác minh, Trần Văn T khai nhận T đã mang chiếc xe của N đi cầm tại tiệm cầm đồ Minh Thư do anh Đào Hoàng Đ, sinh năm 1973, ngụ ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau làm chủ, với số tiền là 35.000.000 đồng. Lúc cầm, T đi chung với một người tên Cảnh nhưng T không biết Cảnh nhà ở đâu, T nói dối với anh Đ là vợ của T là chị N đang bị bệnh và điều trị tại Bệnh viện đa khoa Cà Mau. Do T nói vợ đang bị bệnh cần tiền nên thấy hoàn cảnh khó khăn nên anh Đ đồng ý cho T cầm. Khoảng 10 ngày sau, T tiếp tục đến gặp anh Đ thỏa thuận bán chiếc xe trên, T lấy thêm 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 45.000.000 đồng.

Tang vật thu giữ gồm:

-01 xe mô tô biển số kiểm soát 69E1 – 560.62, hiệu Honda –SH Mode màu vàng nâu.

-01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, chủ sở hữu tên Nguyễn Kiều N.

- 01 giấy chứng minh nhân dân tên Trần Văn T.

Tại kết luận định giá số 06/KL-HĐĐGTS ngày 10/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự: Thời điểm định giá tháng 10/2021 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu vàng nâu, biển số kiểm soát 69E1 – 560.62, đã qua sử dụng là 66.785.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 107/CT-VKS ngày 25/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị **cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.**

Về trách nhiệm dân sự: **Buộc bị cáo hoàn lại cho anh Đào Hoàng Đ số tiền 45.000.000 đồng.** Về xử lý vật chứng: Không.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 25/10/2021, bị cáo có hành vi mượn chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69E1 – 560.62, hiệu Honda –SH Mode màu vàng nâu của chị N và có hành vi cố ý nói dối chị N nhằm lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của chị N để chiếm đoạt chiếc xe của chị N, theo định giá là 66.785.000 đồng, nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự tín nhiệm của chị N đối với bị cáo và dùng thủ đoạn gian dối với mục đích cố ý chiếm đoạt tài sản của chị N. Sau khi bán tài sản của chị N để lấy tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã bỏ địa phương đi và bị bắt theo quyết định truy nã. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự đúng như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra ban đầu bị cáo khai gian dối và bỏ

địa phương đi nhưng sau đó và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, với hành vi trên, cần thiết một mức án tương xứng và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo được giáo dục, cải sửa lỗi lầm trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về vật chứng: Vào ngày 18/02/2022, Cảnh sát điều tra công an thành phố Cà Mau đã trả lại cho bị hại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu vàng nâu, biển số kiểm soát 69E1 – 560.62, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Nguyễn Kiều N. Ngày 05/9/2022, Cảnh sát điều tra công an thành phố C đã trả lại cho bị cáo T 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Kiều N đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô màu vàng nâu, hiệu SH – Mode, biển số kiểm soát 69E1 – 560.62 nên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Riêng đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Hoàng Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 45.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy anh Đ yêu cầu là có cơ sở và tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại cho anh Đ số tiền 45.000.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Đối với hành vi của anh Đào Hoàng Đ, quá trình điều tra xác định khi mua xe của T anh Đào Hoàng Đ không biết xe này do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cà Mau không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Đ là phù hợp. Đối với người tên Cảnh do không xác định được đầy đủ họ tên, địa chỉ nên tách ra giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 579, 580, 581 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 **năm 06 tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 30/8/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T hoàn trả lại cho anh Đào Hoàng Đ số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày anh Đào Hoàng Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo T không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo phải chịu 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm chục ngàn đồng) ( tất cả chưa nộp ).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Tp.Cà Mau;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Út